

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 14 /01/2026

V/v: "Kiện xin ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Đức Bản

2. Bà Phan Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Mai – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng H, sinh năm 1976. Địa chỉ thường trú: TDP Đức S, phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị; nơi tạm trú: Số 08 Lưu Công D, TDP 2 Đồng P, phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ báo tin: Số 21 Trần Văn C, phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị. Chị H có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Trần Văn H (tại Giấy chứng nhận kết hôn số 04 quyền số 06 ngày 23 tháng 02 năm 2000 của Ủy ban nhân dân phường Nam L, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình cũ ghi Trần H), sinh năm 1977. Địa chỉ thường trú: TDP Đức S, phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị. Anh H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27/10/2025, được bổ sung tại bản tự khai, phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh H sau một quá trình tìm hiểu, được sự chấp thuận của gia đình hai bên đã đăng ký kết hôn vào ngày 23/02/2000 tại UBND phường Nam L, TP. Đồng H, tỉnh Quảng Bình cũ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian đầu tại thôn Đức S, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình cũ. Đến giữa năm 2018, hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống, cách sinh hoạt và có vài lần đỉnh điểm là anh H đánh chị H, cầm hung khí dọa đâm giết chị H làm cho các con hoảng sợ và phải nhờ đến sự can thiệp của công an. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại với nhau trao đổi để tìm cách giải quyết mâu thuẫn để đi đến đoàn tụ nhưng vẫn không thể hàn gắn tình cảm được.

Từ tháng 12/2018 đến nay, quan hệ vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng, tình cảm lạnh nhạt, hai vợ chồng đã sống ly thân nhau. Quá trình sống ly thân, anh chị cũng như gia đình hai bên đã cố gắng tìm cách hàn gắn để xây dựng gia đình, nuôi dạy con tốt nhưng không giải quyết được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị H đã nhiều lần chuyển phòng trọ nhưng anh H vẫn đến phòng trọ gây rối. Cuộc sống vợ chồng bế tắc và mệt mỏi. Chị H lo sợ sẽ ảnh hưởng tâm lý đến sự phát triển và hình thành nhân cách của con nếu như vợ chồng cứ tiếp tục cuộc hôn nhân đầy mâu thuẫn này.

Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung hai bên không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Toà án giải quyết cho chị H được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống.

*Ý kiến của Bị đơn là anh Trần Văn H tại bản tự khai; phiên hoà giải cũng như tại phiên toà:

Về hôn nhân: Chị H và anh H sau một quá trình tìm hiểu, được sự chấp thuận của gia đình hai bên đã đăng ký kết hôn vào ngày 23/02/2000 tại UBND phường Nam L, TP. Đồng H, tỉnh Quảng Bình cũ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau, đến ngày 26/10/2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đỉnh điểm, hai vợ chồng có lời qua tiếng lại với nhau.

Hiện nay vợ chồng cũng đang sống ly thân, chị H cùng con gái ra ở trọ riêng ở ngoài. Anh H đã nhiều lần tìm đến phòng trọ để mong đoàn tụ gia đình, nhưng những lần anh H đến phòng trọ thì chị H không đồng ý quay về, do đó, anh H mới có nóng giận to tiếng qua lại tại phòng trọ. Anh H cũng thừa nhận đã nhiều lần làm tổn thương tình cảm vợ chồng do anh nóng nảy lại áp lực công việc, đôi khi uống rượu dẫn đến không làm chủ được bản thân gây buồn tủi cho chị H. Nay chị H làm đơn xin ly hôn tại Toà án thì anh H mong muốn hai vợ chồng cùng hàn gắn tình cảm, cùng đoàn tụ để tiếp tục xây dựng gia đình. Anh hứa sẽ bù đắp cho vợ con, không gây tổn thương vợ con nữa.

*Về con chung: Chị H và anh H đều thừa nhận vợ chồng có 02 con chung tên là Trần P, sinh ngày 30/7/2002, hiện cháu P đã trưởng thành, đang làm công nhân và Trần Lê Thảo N, sinh ngày 19/12/2008, hiện đang học lớp 12 trường THPT Đào Duy Từ. Ý kiến của cháu N mong muốn được ở cùng mẹ H nếu bố mẹ ly hôn. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng

cháu Thảo N cho đến khi cháu N trưởng thành. Chị H không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H mong muốn hai vợ chồng đoàn tụ để tiếp tục nuôi dạy con cái do cháu N hiện dưới 18 tuổi. Trường hợp bắt buộc phải ly hôn thì anh H cũng nhất trí giao con chung Thảo N cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

*Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 1 tỉnh Quảng Trị đã tiến hành triệu tập các bên đương sự đến làm bản tự khai, gửi giấy triệu tập cho các bên đương sự, tiến hành hai phiên hòa giải. Nhưng việc hòa giải không thành.

Tại phiên tòa, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin ly hôn anh H; anh H tha thiết mong được đoàn tụ; trường hợp chị H kiên quyết ly hôn thì anh H cũng tôn trọng ý kiến của chị H và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung chị H mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp bắt buộc phải ly hôn thì anh H cũng nhất trí giao con chung Thảo N cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về tài sản, nợ chung anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, HTND đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Căn cứ vào quá trình giải quyết vụ án, tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Lê Thị Hồng H được ly hôn với anh Trần Văn H. Về con chung: Giao cho chị H được quyền nuôi dưỡng cháu Trần Lê Thảo N (SN 19/12/2008). Tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

Án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, buộc đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp khu vực theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh H có địa chỉ cư trú tại phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị

nên Toà án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị thụ lý là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp; anh chị đã có thời gian chung sống, có 02 con chung; lẽ ra anh chị phải biết thương yêu, nhường nhịn, tôn trọng, tin tưởng nhau cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại anh chị không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững, cuộc sống chung vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng trong cách sống, cách xử sự với nhau, thiếu tin tưởng nhau, từ đó vợ chồng có những lời nói và hành động xử sự xúc phạm đến danh dự, uy tín của nhau, thiếu bàn bạc thống nhất vợ chồng, tình cảm vợ chồng mất mát dần.

Chị H cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng đã kéo dài từ sau khi kết hôn một thời gian nhưng hai bên không thể khắc phục và ngày càng căng thẳng do không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng trong thực tế đời sống. Anh H cũng thừa nhận bản thân anh gây ra nhiều lỗi lầm làm tổn thương vợ, con. Anh H không đồng ý ly hôn mà xin được đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con chung. Nhưng anh H không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn, vẫn thờ ơ bỏ mặc cuộc sống chung mâu thuẫn bế tắc. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin được ly hôn. Điều đó thể hiện rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục, tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên cần thiết phải cho chị H được ly hôn anh H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần P, sinh ngày 30/7/2002 và cháu Trần Lê Thảo N, sinh ngày 19/12/2008. Cháu P đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Xét thấy chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Cháu N trình bày nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Trường hợp bắt buộc phải ly hôn thì anh H cũng nhất trí giao con chung Thảo N cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Trần Lê Thảo N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế và đảm bảo cho sự phát triển ổn định của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Chị H và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: chị Lê Thị Hồng H phải chịu án phí 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001953, ký hiệu: BLTU/25E ngày 24/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Lê Thị Hồng H được ly hôn anh Trần Văn H hay còn gọi Trần H.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cháu Trần Lê Thảo N; sinh ngày: 19/12/2008 cho chị Lê Thị Hồng H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu Trần P đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Hồng H phải chịu án phí 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số 0001953 BLTU/25E ngày 24/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Án xử công khai, báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/01/2026);

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 1;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- UBND phường Đồng Hới;
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa